

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí

Ông Trang Văn Hai – Cán bộ hưu trí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1399/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 688/TB-TA ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 808/TB-TA ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Bá N, sinh năm 1980

Thường trú: 19/113, khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 528, tổ 6, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI D VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn ông Nguyễn Bá N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc,

nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, ông bà đã sống ly thân thời gian dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N xin được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông N và bà D có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh V, sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn, ông N xin giao cho bà D được nuôi cháu V, tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Theo bản tự khai - Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã sống ly thân như ông N đã trình bày là đúng. Nay ông N xin ly hôn thì bà D đồng ý, vì bà D nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông N ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa.

Về con chung: Bà D và ông N có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh V, sinh ngày 31/12/2012, khi ly hôn bà D xin được nuôi cháu V, tạm thời không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Bá N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông N là nguyên đơn còn bà D là bị đơn trong vụ án.

- Theo bản sao y chứng thực sổ hộ khẩu và tại Bản tự khai, đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị D xác định hiện nay bà có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 528, tổ 6, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 29/6/2021, ông Nguyễn Bá N có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 05/10/2021, bà Nguyễn Thị D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà D kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ

chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, ông bà đã sống ly thân thời gian dài. Nay ông N xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn với bà D. Xét yêu cầu ly hôn của ông N là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo ông N trình bày thì ông và bà D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân từ lâu, bà D cũng xác định những mâu thuẫn vợ chồng như ông N trình bày là đúng. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà D đồng ý. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Nguyễn Bá N được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

[3] Về con chung: Ông N và bà D có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh V, sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn, ông N xin giao cháu V cho bà D nuôi, tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con. Bà D đồng ý nhận nuôi con và tạm thời không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Ngoài ra, cháu V cũng có ý kiến trình bày xin ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V cho bà D nuôi, tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Ông N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông N và bà D trình bày tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông N và bà D trình bày quá trình chung sống ông bà không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Bá N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá N, ông Nguyễn Bá N được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Ông N và bà D có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Minh V, sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn, giao cháu V cho bà D nuôi, tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Ông N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông N và bà D trình bày tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông N và bà D trình bày quá trình chung sống ông bà không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001616 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Ông Nguyễn Bá N và bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND phường P;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**